

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯƠNG LAI MỚI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯƠNG LAI MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW FUTURE TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NF TAS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110199606

3. Ngày thành lập: 05/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 41 Phố Định Công, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0343189688

Fax:

Email: Tungtt207@outlook.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
24.	Dịch vụ đóng gói	8292
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Không gồm các hoạt động Dịch vụ báo cáo Toà án; Hoạt động báo giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
26.	Giáo dục nhà trẻ	8511
27.	Giáo dục mẫu giáo	8512
28.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
29.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
30.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
31.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
32.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
35.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
38.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
39.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
41.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
42.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
43.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
44.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
45.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
48.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

50.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản	6820
52.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
61.	Quảng cáo	7310
62.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
64.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
65.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
66.	Cho thuê xe có động cơ	7710
67.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại pháp luật cấm)	4690(Chính)
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
72.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
73.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
74.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
75.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
76.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
77.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

78.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
79.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
80.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
81.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
82.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
83.	Sản xuất chè	1076
84.	Sản xuất cà phê	1077
85.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
86.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
87.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
88.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
89.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
90.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
91.	Sản xuất giày, dép	1520
92.	In ấn	1811
93.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
94.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
95.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
96.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
97.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
98.	Sản xuất đồng hồ	2652
99.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
100.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
101.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
102.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
103.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
104.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
105.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
106.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
107.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4789
108.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
109.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
110.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
111.	Bốc xếp hàng hóa	5224

112.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
113.	Cơ sở lưu trú khác	5590
114.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
115.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
116.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
117.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
118.	Xuất bản phần mềm	5820
119.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
120.	Hoạt động hậu kỳ	5912
121.	Hoạt động chiếu phim	5914
122.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
123.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
124.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
125.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
126.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
127.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
128.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
129.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
130.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
131.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
132.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
133.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
134.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
135.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
136.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
137.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
138.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
139.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
140.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
141.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
142.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

143.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
144.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
145.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
146.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
147.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
148.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
149.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
150.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087014863

Ngày cấp: 16/05/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087014863

Ngày cấp: 16/05/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội